

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/**2020**/HS-ST
Ngày 24-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Hoàng – Cán bộ hưu trí;

Bà Nguyễn Thị Kim Linh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn S (tên gọi khác: K), sinh năm 2000 tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Khome; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn G (chết) và bà Cù P; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

- Tiền sự: Ngày 11/4/2019 Công an xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 54/QĐ-XPVPHC xử phạt bị cáo Trần Văn S số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa nộp phạt.

- Nhân thân: Ngày 15/01/2019 Công an xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 18/QĐ-XPHC, xử phạt bị cáo Trần Văn S số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc. Bị cáo nộp phạt ngày 16/01/2019. Lần bị xử lý này tính đến ngày phạm tội đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/02/2020, chuyển tạm giam ngày 06/3/2020 đến nay (có mặt).

2. Lê Thanh D, sinh năm 1997 tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị P; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không.

- Tiền án: Bản án số 32/2018/HS-ST ngày 05/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thanh D 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2018. Bị cáo chấp hành án tại Trại giam Cây Cây, đến ngày 25/12/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/02/2020, chuyển tạm giam ngày 06/3/2020 đến nay (có mặt).

3. Huỳnh Dương K, sinh năm 1994 tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh H và bà Đồng Kim M; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không.

- Tiền sự: 02.

+ Ngày 10/02/2020 Ủy ban nhân dân xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn số 18/QĐ-UBND, áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với bị cáo Huỳnh Dương K về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, thời gian giáo dục là 03 tháng, kể từ ngày 10/02/2020 đến ngày 10/5/2020.

+ Ngày 18/02/2020 Công an xã Ninh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 16/QĐ-XPVPHC xử phạt bị cáo Huỳnh Dương K số tiền 3.000.000 đồng về hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép. Bị cáo chưa nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 28/5/2020, chuyển tạm giam ngày 31/5/2020 đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Văn T (tên gọi khác: L), sinh ngày 02/7/2003 tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị C; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2020 đến nay (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T:

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1946; nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có, là bà ngoại của bị cáo (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Bà Trần Thị Cẩm V, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Bị hại:* Trung tâm viễn thông C – Viễn thông Tây Ninh.

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thành A, sinh năm 1974 – chức vụ: Phó Giám đốc (có đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và D biên tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên khoảng 01 giờ ngày 26/02/2020, các bị cáo Trần Văn S, Lê Thanh D và Nguyễn Văn T bàn bạc rủ nhau đi trộm cắp dây cáp điện thoại của Trung tâm viễn thông C – Viễn thông Tây Ninh trên địa bàn xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi thống nhất, bị cáo T một mình đi đến khu vực gần Trạm y tế xã H thuộc ấp Lưu Vãng V, xã H cắt trộm đoạn dây cáp điện thoại (loại 200 x 2 x 0,5) dài 33,7m. Do trời gần sáng, bị cáo T sợ bị phát hiện nên cất giấu đoạn dây cáp dưới mương nước ven đường rồi đi về. Khoảng 22 giờ ngày 27/02/2020, bị cáo D dùng xe mô tô Wave màu hồng (không rõ biển số) của bị cáo S chở bị cáo T và bị cáo S đến nơi cất giấu đoạn dây cáp để lấy đi bán. Đến nơi, bị cáo D cảnh giới gần đó, bị cáo S và bị cáo T đi xuống mương nước lấy đoạn dây cáp thì bị Công an xã Hòa Hội, huyện Châu Thành phát hiện nên các bị cáo S, D, T bỏ chạy. Sau đó, các bị cáo S, D, T lần lượt ra đầu thú.

Qua điều tra, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đồng thời, còn khai nhận đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: khoảng 23 giờ ngày 12/02/2020, các bị cáo S, D, T rủ nhau đi trộm cắp dây cáp điện thoại. Sau khi thống nhất, các bị cáo đi đến khu vực ngã ba kinh tế thuộc ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh cắt trộm dây cáp điện thoại. Khi đi bị cáo T mang theo 01 lưỡi cưa, 01 lưỡi liềm; bị cáo S mang theo 01 cây kìm cầm tay; bị cáo D sử dụng xe mô tô Wave màu xanh (không rõ biển số) của bị cáo chở S và T. Đến nơi, T, S trèo lên trụ điện cắt đoạn dây cáp điện thoại (loại 100 x 2 x 0,5) dài 41,5m, D đứng cảnh giới gần đó. Khi cắt cáp xong, S lấy xe mô tô (không rõ biển số) của D chở T và đoạn dây cáp về nhà T tại ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau đó S quay lại chở D về nhà T. Sáng hôm sau, S và T đốt dây cáp lấy lõi đồng, S lấy xe mô tô của D chở T đến vừa ve chai của bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 ngụ ấp T, xã T bán được số tiền 1.000.000 đồng, S và T chia nhau tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

- Vụ thứ hai: Vào buổi tối khoảng giữa tháng 02 năm 2020, các bị cáo K và T rủ nhau đi trộm cắp dây cáp điện thoại. Sau khi thống nhất, K lấy xe mô tô Wave màu đen, biển số 70K4-4428 chở T từ ấp T, xã T đến ấp T, xã T để cắt trộm

dây cáp điện thoại. K trèo lên trụ điện cắt một đoạn cáp điện thoại (loại 100 x 2 x 0,5) dài 41,3m, T đứng dưới canh giới. Khi cắt trộm xong, K chở T và dây cáp về nhà T đốt lấy lõi đồng. Sau đó, K chở T đến tiệm ve chai của bà H bán được số tiền 1.800.000 đồng. K và T chia nhau tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng.

- Vụ thứ ba: Vào buổi tối ngày 17/02/2020, các bị cáo S, K và T rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Sau khi thống nhất, T chuẩn bị cưa sắt và cây liềm; K chuẩn bị cưa sắt và cây dao. K chở S và T đi bằng xe mô tô loại Wave màu xanh của D đi từ nhà T đến vườn cao su thuộc ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh để cắt trộm dây cáp. Đến nơi S, K và T cắt một đoạn cáp điện thoại (loại 100 x 2 x 0,5) dài 118,1m rồi cùng nhau mang đoạn cáp ra vườn cao su phía sau vườn chuối cắt thành từng đoạn rút lấy lõi đồng. Sáng hôm sau, S chở T đến tiệm ve chai bà H để bán lõi đồng, T bán được số tiền 900.000 đồng, S bán được số tiền 3.000.000 đồng. Sau đó S, K và T chia nhau tiền tiêu xài và mua ma túy về sử dụng.

- Vụ thứ tư: Khoảng 22 giờ ngày 25/02/2020, các bị cáo D và S thống nhất đi trộm cắp tài sản. S chuẩn bị lưỡi liềm, D chuẩn bị lưỡi cưa. Sau đó, D chở S bằng xe mô tô Wave màu hồng của S đi từ nhà của T đến Trạm y tế xã H thuộc ấp Lưu Vãng V, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đến nơi, D và S trèo lên trụ điện cắt được một đoạn cáp điện thoại (loại 200 x 2 x 0,5) dài 33,8m rồi đem vào rừng Hòa Hội đốt lấy lõi đồng, sau đó mang về nhà T. Sáng hôm sau, S chở đến tiệm ve chai bà H bán được 1.600.000 đồng. S và D chia nhau tiền tiêu xài và mua ma túy về sử dụng.

* Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 18/03/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận:

- Vụ mất trộm tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh: 41,5m cáp điện thoại treo ngoài trời lõi đồng, loại 100 x 2 x 0,5 trị giá 5.187.500 đồng.

- Vụ mất trộm tại ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh: 41,3m cáp điện thoại treo ngoài trời lõi đồng, loại 100 x 2 x 0,5 trị giá 5.162.500 đồng.

- Vụ mất trộm tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh: 118,1m cáp điện thoại treo ngoài trời lõi đồng, loại 100 x 2 x 0,5 trị giá 14.762.500 đồng.

- Vụ mất trộm tại ấp Lưu Vãng V, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 25/02/2020: 33,8m cáp điện thoại treo ngoài trời lõi đồng, loại 200 x 2 x 0,5 trị giá 7.774.000 đồng.

- Vụ mất trộm tại ấp Lưu Vãng V, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh ngày 26, 27/02/2020: 33,7m cáp điện thoại treo ngoài trời lõi đồng, loại 200 x 2 x 0,5 trị giá 7.751.000 đồng

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

- 01 (một) lưỡi cưa, kích thước 1,5 x 35 cm (đã qua sử dụng);

- 01 (một) dao thái cán màu xanh, kích thước 4 x 35 cm (đã qua sử dụng);

- 01 (một) dao tự chế, kích thước 1,5 x 35 cm (đã qua sử dụng);

- 01 (một) đoạn cáp viễn thông dài 33,7 m đã bị cắt gãy thành từng khúc nhỏ;
- 02 (hai) khẩu súng còn tự chế bằng nhựa, không có khả năng gây sát thương;

- 01 (một) ống nhựa màu cam dài khoảng 35 cm, đường kính khoảng 03 cm;

- 01 (một) cây xà ben bằng kim loại dài khoảng 70 cm;

- 01 (một) dây bằng kim loại đã bị đốt cháy dài khoảng 40 cm;

- 01 (một) võ cáp dây đã bị đốt cháy biến dạng.

- Đối với xe mô tô bị cáo D sử dụng chở các bị cáo đi trộm cắp tài sản, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1966 là mẹ ruột của D, do xe mô tô không còn sử dụng được nên bà P bán cho một người đàn ông không rõ địa chỉ tại Campuchia.

- Đối với xe mô tô bị cáo S sử dụng chở các bị cáo đi trộm cắp tài sản, S nhờ D thế chấp tại Campuchia không truy thu được.

- Đối với xe mô tô biển số 70K4-4428 bị cáo K sử dụng chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản là của bà Đồng Kim M (là mẹ ruột của K) đứng tên sở hữu. Khi giao xe cho K sử dụng, bà M không biết K sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản.

* Về trách nhiệm dân sự: Ông Phan Thành A – đại diện theo ủy quyền của Trung tâm viễn thông C yêu cầu các bị cáo S, D, K và T bồi thường số tiền 40.637.500 đồng, các bị cáo chưa bồi thường.

* Về kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản nên không tiến hành kê biên tài sản.

Đối với Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T, quá trình điều tra thể hiện khi mua lõi đồng của dây cáp điện thoại, không biết do các bị cáo trộm cắp mà có, nên không xử lý hình sự đối với H và T là có căn cứ.

Tại bản Cáo trạng số: 53/CT-VKSCT ngày 24/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố các bị cáo Trần Văn S, Lê Thanh D, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn S, Lê Thanh D, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Trần Văn S từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Bị cáo S đang chờ thi hành Bản án số: 24/2020/HS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ

luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Lê Thanh D từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Huỳnh Dương K từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xem xét giải quyết về biện pháp tự pháp; áp dụng Điều 584, 585, 587 Bộ luật Dân sự xem xét, giải quyết về phân bồi thường thiệt hại.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày ý kiến:

Về tội danh: Thống nhất với Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Về nguyên nhân phạm tội: Tại thời điểm phạm tội bị cáo T chỉ mới hơn 16 tuổi, bị cáo có tâm sinh lý phát triển chưa đầy đủ nên chưa nhận thức hoàn chỉnh về việc làm của mình, và do hoàn cảnh gia đình của bị cáo rất đáng thương, từ nhỏ bị cáo sống với bà ngoại.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, đồng thời bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ là “đầu thú” được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Ngoài ra, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình của bị cáo, nên áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 03 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nhằm giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xem xét giảm nhẹ cho bị cáo T hình phạt từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận về tội danh và mức hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, **người bào chữa cho bị cáo**, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn S, Lê Thanh D, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Trong khoảng thời gian từ ngày 12 đến ngày 27/02/2020, trên địa bàn xã T và xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh, lợi dụng sự sơ hở trong công tác quản lý cáp điện thoại của Trung tâm viễn thông C – Viễn thông Tây Ninh, các bị cáo S, D, K và T đã lén lút thực hiện 05 vụ trộm cắp dây cáp điện thoại của Trung tâm viễn thông C với tổng giá trị tài sản là 40.637.500 đồng. Trong đó, bị cáo T thực hiện 04 lần với tổng trị giá tài sản 32.863.500 đồng; bị cáo S 04 lần với tổng trị giá tài sản 35.475.000 đồng; bị cáo D 03 lần với tổng trị giá tài sản là 20.712.500 đồng và bị cáo K 02 lần với tổng trị giá tài sản là 19.925.000 đồng.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với bản cáo trạng, lời luận tội của kiểm sát viên, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại và những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Văn S, Lê Thanh D, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi mỗi bị cáo thực hiện.

[5] Khi quyết định hình phạt, có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo S, D, K, T đều có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên. Riêng bị cáo D có 01 tiền án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo. Các bị cáo S, D, T đã tự thú khai ra những lần phạm tội trước ngày bị bắt trong quá trình điều tra và các bị cáo đã ra đầu thú trước khi bị bắt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét xê tính chất và mức độ của hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo thì thấy rằng: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, mục đích trộm cắp tài sản của các bị cáo là để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. Các bị cáo đều là người thực hiện, tài sản sau khi trộm cắp được các bị cáo đem đi tiêu thụ lấy tiền cùng nhau tiêu xài và sử dụng ma túy chung, nên vai trò của các bị cáo là như nhau. Tuy nhiên, về tính chất và mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo là khác nhau.

[7] Bị cáo S có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhân thân xấu, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử 07 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy do có hành vi phạm tội vào ngày 14/10/2019 chưa chấp hành án, đang chờ tổng hợp hình phạt trong vụ án này. Bị cáo D có 01 tiền án, lần phạm tội này bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Qua đó thể hiện các bị cáo có ý thức xem thường pháp luật, không có thái độ ăn năn hối cải, tiếp tục phạm tội, nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong vụ án này.

[8] Bị cáo K có 02 tiền sự, số lần phạm tội và giá trị tài sản trộm cắp ít hơn bị cáo S và bị cáo D, nên bị cáo chịu mức hình phạt thấp hơn bị cáo S và bị cáo D.

[9] Bị cáo T thực hiện 04 lần với giá trị tài sản trộm cắp là 32.863.500 đồng. Giá trị tài sản trộm cắp bị cáo thực hiện là ít hơn bị cáo S, nhưng nhiều hơn so với bị cáo D và bị cáo K. Tuy nhiên, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo là người chưa thành niên, ý thức chấp hành pháp luật còn hạn chế và do thiếu sự quan tâm, giáo dục của gia đình, để có tiền sử dụng ma túy bị cáo cùng các bị cáo S, D, K thực hiện hành vi phạm tội, nên hình phạt đối với bị cáo T là nhẹ hơn so với các bị cáo khác.

[10] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, do các bị cáo lười lao động, nghiện ma túy, muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên rủ nhau thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp nhiều lần và tài sản các bị cáo trộm cắp là tài sản của Nhà nước. Qua đó, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Nên cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[11] Về tổng hợp hình sự: Bị cáo S đang trong thời gian chờ chấp hành hình phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” của Bản án số 24/2020/HS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt với tội đang bị xét xử thành hình phạt chung đối với bị cáo S.

[12] Về bồi thường thiệt hại:

Các bị cáo S, D, K và T phải liên đới bồi thường cho Trung tâm viễn thông C – Viễn thông Tây Ninh số tiền 40.637.500 đồng. Do số tiền bán tài sản trộm cắp có được các bị cáo sử dụng vào việc mua ma túy sử dụng chung và cùng nhau tiêu xài, nên mỗi bị cáo phải bồi thường theo tỷ lệ bằng nhau đối với giá trị tài sản trộm cắp từng bị cáo cùng thực hiện với nhau. Riêng bị cáo T có nghĩa vụ liên đới cùng người đại diện hợp pháp của bị cáo bồi thường cho Trung tâm viễn thông C – Viễn thông Tây Ninh.

[13] Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô bị cáo D sử dụng chở các bị cáo đi trộm cắp tài sản, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị P là mẹ ruột bị cáo D, do xe mô tô không còn sử dụng được nên bà P bán cho một người đàn ông không rõ địa chỉ tại Campuchia.

- Xe mô tô bị cáo S sử dụng chở các bị cáo đi trộm cắp tài sản, bị cáo S nhờ bị cáo D thế chấp tại Campuchia không truy thu được.

- Xe mô tô biển số 70K4-4428 bị cáo K sử dụng chở bị cáo T đi trộm cắp tài sản là của bà Đồng Kim M là mẹ ruột K đứng tên sở hữu. Khi giao xe cho bị cáo K sử dụng, bà M không biết bị cáo K sử dụng vào mục đích trộm cắp tài sản.

Do đó quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không thu giữ 03 chiếc xe trên là có căn cứ.

- 01 (một) đoạn cáp viễn thông dài 33,7 m đã bị cắt gãy thành từng khúc nhỏ là vật do phạm tội mà có **cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước**.

-02 (hai) khẩu súng còn tự chế, bằng nhựa không phải là vật chứng của vụ án nhưng không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng **cần tịch thu tiêu hủy**.

[14] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo S, D, K, mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tương ứng với số tiền mỗi bị cáo có nghĩa vụ bồi thường. Bị cáo T và Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tương ứng với số tiền bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: **Trần Văn S (K), Lê Thanh D, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T (L)** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn S (K)** 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 07 (bảy) năm tù của Bản án số: 24/2020/HS-ST ngày 11/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày **29/02/2020**.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Thanh D** 02 (hai) năm tù. **Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/02/2020**.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Dương K** 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù. **Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/5/2020**.

Căn cứ Điều 91; Điều 101; khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (L) 01 (một) năm tù. **Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/3/2020**.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 584, 585, khoản 3 Điều 586, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Trần Văn S, Lê Thanh D, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho Trung tâm viễn thông C – Viễn thông Tây Ninh số tiền 40.637.500 (bốn mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng. Trong đó, mức bồi thường của từng bị cáo cụ thể như sau:

+ Bị cáo Trần Văn S bồi thường 13.121.000 (mười ba triệu một trăm hai mươi một nghìn) đồng.

+ Bị cáo Lê Thanh D bồi thường 8.200.000 (tám triệu hai trăm nghìn) đồng.

+ Bị cáo Huỳnh Dương K bồi thường 7.502.000 (bảy triệu năm trăm lẻ hai nghìn) đồng.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường 11.815.000 (mười một triệu tám trăm mười lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thì hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền L của số tiền còn phải thi hành án theo mức L suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- **Tịch thu tiêu hủy**: 01 (một) lưỡi cưa, kích thước 1,5 x 35 cm (đã qua sử dụng); 01 (một) dao thái cán màu xanh, kích thước 4 x 35 cm (đã qua sử dụng); 01

(một) dao tự chế, kích thước 1,5 x 35 cm (đã qua sử dụng); 02 (hai) khẩu súng cùn tự chế (bằng nhựa); 01 (một) ống nhựa màu cam dài khoảng 35 cm, đường kính khoảng 03 cm; 01 (một) cây xà ben bằng kim loại dài khoảng 70 cm; 01 (một) dây bằng kim loại đã bị đốt cháy dài khoảng 40 cm; 01 (một) võ cáp dây đã bị đốt cháy biến dạng.

- **Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:** 01 (một) đoạn cáp viễn thông dài 33,7 m đã bị cắt gãy thành từng khúc nhỏ.

(Các vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh đang quản lý).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo **Trần Văn S, Lê Thanh D**, Huỳnh Dương K và Nguyễn Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn S phải chịu 656.000 (sáu trăm năm mươi sáu nghìn) đồng; bị cáo Lê Thanh D phải chịu 410.000 (bốn trăm mười nghìn) đồng; bị cáo Huỳnh Dương K phải chịu 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng; bị cáo Nguyễn Văn T và Bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 591.000 (năm trăm chín mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho **các** bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo T biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn **15 (mười lăm)** ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn **15 (mười lăm)** ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Phòng PV **06**;
- Công an huyện Châu Thành;
- Thi hành án HS.
- **Bị cáo**;
- **Bị hại**;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Những người TGT khác;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Trần Thị Ngọc Phượng